

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2022/HNGĐ-ST.

Ngày 30 - 9 - 2022.

V/V “*kiện ly hôn, nuôi con chung*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ - TỈNH HÀ NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Chương và bà Nguyễn Thị Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 141/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2021, về tranh chấp kiện xin ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2022/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1974.

2. Bị đơn: Bà Đoàn Thị L, sinh năm 1976.

Người đại diện theo pháp luật cho bà Đoàn Thị L: Chị Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 1999.

Cùng có nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Khu tập thể xi măng Bút Sơn thuộc xã TS, huyện KB, tỉnh Hà Nam.

Cùng có địa chỉ: thôn KT, xã KB, thành phố PL, tỉnh Hà Nam.

Phiên tòa có mặt ông S, bà L, chị D.

NỘI D VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Nguyễn Văn S có quan điểm:

- Về hôn nhân: Ông và bà Đoàn Thị L kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 14/3/1998 tại UBND xã KB, huyện KB (nay là thành phố PL), tỉnh Hà Nam. Việc kết hôn được gia đình hai bên tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn thì vợ chồng ông chung sống hòa thuận đến năm 2013 thì đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà L thay đổi tâm tính nên vợ chồng ông không còn hợp nhau và bất đồng về quan điểm sống, cách sống. Đến năm 2014, bà L có nhiều biểu hiện khác thường nên đã đi khám và điều trị tại Bệnh viện tâm thần Hà Nam nhiều lần nhưng không hề thuyên giảm. Trong quá trình bà

L đi khám và điều trị, bản thân ông vẫn có trách nhiệm với bà L nhưng giữa vợ chồng không thể chia sẻ các vấn đề trong cuộc sống được vì hai bên không có tiếng nói chung dẫn đến tình cảm ông dành cho bà L đã phai nhạt dần theo thời gian. Do đó cuối năm 2019, ông đã thuê nhà ở riêng, còn bà L vẫn sống cùng các con ông tại gia đình. Quá trình sống ly thân vợ chồng không quan tâm đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Đến nay, ông xác định tình cảm dành cho bà L không còn và mâu thuẫn của vợ chồng ông đã thật sự trầm trọng không thể đoàn tụ được nên ông đề nghị giải quyết cho ông được ly hôn với bà Đoàn Thị L.

- Về con chung: Vợ chồng ông có 02 con chung là Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 16/4/1999 (con gái) và Nguyễn Hương G, sinh ngày 22/9/2005 (con gái). Hiện nay, cháu Nguyễn Thị Thùy D đã trưởng thành nên ông không đề nghị Tòa án giải quyết. Còn cháu Nguyễn Hương G ông xin trực tiếp nuôi dưỡng và ông không đề nghị bà L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về con nuôi, con riêng: Vợ chồng ông không có.

- Về tài sản chung: Ông không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về công nợ chung: Vợ chồng ông không có nên ông không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Đoàn Thị L có quan điểm: Về thời gian, địa điểm, điều kiện, thủ tục kết hôn như ông S khai là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà sống hạnh phúc đến tháng 9 năm 2020 thì mới phát sinh mâu thuẫn. Theo bà nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do đôi khi hai bên có bất đồng về quan điểm sống và bản thân bà ốm đau. Từ tháng 9 năm 2020, vợ chồng bà đã sống ly thân nhau cho đến nay. Trong quá trình sống ly thân, thời gian đầu ông S vẫn hỏi han bà nhưng sau đó ông S không quan tâm, hỏi han bà nữa là do ông S có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác nhưng bà không có chứng cứ gì cả. Bản thân bà xác định tình cảm dành cho ông S vẫn còn và bà bị ốm đau, các con bà còn nhỏ đang đi học nên trước yêu cầu xin ly hôn của ông S bà không nhất trí ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng bà có 02 con chung là Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 16/4/1999 (con gái) và Nguyễn Hương G, sinh ngày 22/9/2005 (con gái). Hiện nay, cháu Nguyễn Thị Thùy D đã trưởng thành nhưng đang học đại học ông S vẫn chu cấp cho cháu, còn cháu Nguyễn Hương G đang học lớp 12, nên nếu vợ chồng bà phải ly hôn thì bà đề nghị ông S nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hương G vì hiện nay bà đang ốm đau bệnh tật. Hiện tại bà vẫn đi làm tại Công ty Xi măng Bút Sơn.

Con nuôi, con riêng: Vợ chồng bà không có. Hiện bà không có thai nghén gì.

- Về tài sản chung: Bà không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về công nợ chung: Vợ chồng bà không có nên bà cũng không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Chị Nguyễn Thị Thùy D là người đại diện theo pháp luật của bà Đoàn Thị L trình bày: Chị là con chung của ông S, bà L. Khoảng 7 hoặc 8 năm trước mẹ chị (bà L) có biểu hiện mất kiểm soát, đau đầu, gia đình đã cho đi khám và điều trị tại

các bệnh viện tâm thần đến nay bệnh tình có thuyên giảm nhưng vẫn bị bệnh. Do đó, Tòa án đã ra Quyết định tuyên bố bà Đoàn Thị L là người có khó khăn trong nhận thức và làm chủ hành vi. Với tư cách là người đại diện theo pháp luật của mẹ chị trước yêu cầu xin ly hôn của bố chị với mẹ chị thì chị mong Tòa án giúp đỡ cho bố mẹ chị được đoàn tụ. Nếu bố mẹ chị phải ly hôn thì hiện nay chị đã trưởng thành nên chị không đề nghị bố mẹ chị có trách nhiệm gì với chị cả. Còn em chị là Nguyễn Hương G, sinh ngày 22/9/2005 (con gái) chị đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Nguyện vọng của cháu Nguyễn Hương G: Hiện nay cháu đang ở với mẹ cháu là bà Đoàn Thị L và cháu đang học lớp 12, trường THPT A Kim Bảng. Khi bố mẹ cháu ly hôn, cháu muốn ở với bố cháu là ông Nguyễn Văn S.

* Tại Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 06/2022/QĐST-DS ngày 05 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam đã tuyên bố bà Đoàn Thị L là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.

Tại phiên tòa hôm nay:

+ Ông Nguyễn Văn S, bà Đoàn Thị L và chị Nguyễn Thị Thùy D vẫn giữ nguyên quan điểm như trước đó đã trình bày tại Tòa án.

* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng; ý kiến về việc giải quyết vụ án.

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn như: thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định: Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 68, 144, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Nguyễn Văn S. Xử lý hôn giữa ông Nguyễn Văn S và bà Đoàn Thị L.

2/ Về con chung: Giao ông Nguyễn Văn S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Nguyễn Hương G, sinh ngày 22/9/2005 cho đến khi cháu Nguyễn Hương G trưởng thành đủ 18 tuổi. Bà Đoàn Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng ông S.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Ông S phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn bà Đoàn Thị L có nơi cư trú tại thôn KT, xã KB, thành phố PL, tỉnh Hà Nam. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án “Kiện xin ly hôn, nuôi con chung” giữa ông Nguyễn Văn S và bà Đoàn Thị L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

[2] Về người tham gia tố tụng: Bà Đoàn Thị L là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi theo quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, nên chị Nguyễn Thị Thùy D (con gái bà L) là người đại diện theo pháp luật cho bà Đoàn Thị L theo quy định tại các Điều 134, 135, 136 của Bộ luật Dân sự.

[3] Về hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn S và bà Đoàn Thị L là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 14/3/1998 tại Ủy ban nhân dân xã KB, huyện KB (nay là thành phố PL), tỉnh Hà Nam nên đã thoả mãn các điều kiện, trình tự thủ tục kết hôn được Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Văn S, Hội đồng xét xử thấy:

Sau kết hôn ông S và bà L cũng đã có nhiều năm chung sống hòa thuận hạnh phúc sau đó mới xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống, mặc dù nguyên nhân mâu thuẫn ông S, bà L đưa ra là khác nhau nhưng việc vợ chồng ông bà chung sống có mâu thuẫn là có thật được hai bên thừa nhận và ông bà đã có thời gian sống ly thân mấy năm trở lại đây, hai bên không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau và chấm dứt mọi quan hệ vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bản thân bà L và người đại diện của bà không đồng ý việc xin ly hôn của ông S, nhưng bà cũng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng, bản thân ông S vẫn cương quyết xin ly hôn với bà L. Xét thấy, mâu thuẫn của vợ chồng ông bà đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông S với bà L là phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn: Bà Đoàn Thị L hiện nay là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, tuy nhiên bà L vẫn đang làm việc tại Công ty xi măng Bút Sơn, nên vẫn có nguồn thu nhập ổn định để phục vụ sinh hoạt hằng ngày cho bản thân. Do vậy, ông S không có nghĩa vụ cấp dưỡng cho bà L khi ly hôn.

[5] Về con chung: Vợ chồng ông bà thống nhất có 02 con chung là Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 16/4/1999 (con gái) và Nguyễn Hương G, sinh ngày 22/9/2005 (con gái). Xét nguyện vọng của ông S và bà L, hiện nay cháu D đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết, còn cháu G có nguyện vọng được ở với bố khi bố mẹ ly hôn, ông S có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu G khi ly hôn. Do vậy, cần giao cháu G cho ông S trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu G trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông S không có yêu cầu bà L cùng cấp dưỡng nuôi con, bà L lại đang bệnh tật. Do vậy bà L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng ông S.

[6] Về tài sản chung và công nợ chung: Vợ chồng ông bà thống nhất không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Ông S phải nộp theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; Điều 144; Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 54, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ các Điều 134, 135, 136 của Bộ luật Dân sự.

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Xử lý hôn giữa: Ông Nguyễn Văn S và bà Đoàn Thị L.

[2] Về con chung: Giao ông Nguyễn Văn S có trách nhiệm trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Hương G, sinh ngày 22/9/2005 (con gái) cho đến khi cháu G trưởng thành đủ 18 tuổi, bà Đoàn Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng ông S.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[3] Án phí ly hôn sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn S phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ. Ông S được đối trừ với 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2021/0000263 ngày 05/11/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Ông Nguyễn Văn S đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự, người đại diện theo pháp luật của đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- Chi cục THA dân sự TP Phủ Lý;
- UBND xã Kim Bình, TP Phủ Lý;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xuyên